

Bản án số: 1165/2024/HC-PT

Ngày 28-10 -2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính về
việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1040/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3000/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; Cư trú tại: A, tổ A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1955; Cư trú tại: A, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

3. Ông Trương Văn K, sinh năm 1956; Cư trú tại: A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

4. Bà Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1964; Cư trú tại: 9, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

5. Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1988; Cư trú tại: A, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

6. Ông Hồ Văn X, sinh năm 1960; Cư trú tại: A, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

7. Bà Võ Thị Kim H1, sinh năm 1972; Cư trú tại: 1, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

8. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1966; Cư trú tại: 1, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (các ông, bà Trần Văn H2, Võ Thị Kim H1, Hồ Văn X, Trần Thị Kim N, Trịnh Thị Kim H, Trương Văn K, Võ Thị L): Ông Võ Hoàng T1, sinh năm 1973; địa chỉ: B, C, đường T, phường B, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn H3, chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B; địa chỉ: Tòa nhà T, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Xuân N1, chức vụ: Phó Giám đốc. (xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Phạm T2, sinh năm 1941; Cư trú tại: G, đường N, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Đình Uyên T3, sinh năm 1971; Cư trú tại: Số D N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1968; Cư trú tại: A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Minh K1, sinh năm 1985; Cư trú tại: H, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

4. Ông Võ Hữu N2, sinh năm 1982; (vắng mặt).

5. Bà Đoàn Thị Như L1, sinh năm 1983; (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1966; Cư trú tại: 1, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

7. Bà Bùi Thị D1, sinh năm 1977; Cư trú tại: A, tổ A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1962; Cư trú tại: A, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

9. Bà Võ Thị Kim H1, sinh năm 1972; Cư trú tại: 1, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

10. Ông Võ Minh P, sinh năm 1961; Cư trú tại: 9, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

11. Bà Phạm Thị A, sinh năm 1958; Cư trú tại: A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

12. Bà Lê Thị Tuyết N3, sinh năm 1977; Cư trú tại: A, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Minh K1, ông Võ Hữu N2, bà Đoàn Thị Như L1, ông Trần Văn H2, bà Bùi Thị D1, bà Nguyễn Thị Á, bà Võ Thị Kim H1, bà Võ Minh P, bà Lê Thị Tuyết N3, bà Phạm Thị A: Ông Võ Hoàng T1, sinh năm 1973; Cư trú tại: B, C, đường T, phường B, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; Cư trú tại: A, tổ A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

14. Ngân hàng Thương mại cổ phần P2; địa chỉ: Số D - D L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Trọng L2; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P2 chi nhánh B; địa chỉ: Số B đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

15. Ông Trần Văn T4, sinh năm 1970; Cư trú tại: A tổ A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

16. Ông Võ Hoàng T1, sinh năm 1973; Cư trú tại: B, C, đường T, phường B, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt).

17. Bà Hoàng Đình Uyên T3, sinh năm 1971; Cư trú tại: Số D N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

18. Ông Trương Văn C, sinh năm 1977; Cư trú tại: số B Đ, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt).

19. Bà Trương Thị H4, sinh năm 1987; Cư trú tại: số F, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (xin vắng mặt).

20. Ông Trương Văn T5, sinh năm 1982; Cư trú tại: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; (xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị H4 và ông Trương Văn T5: Ông Võ Anh T6, sinh năm 1998, cư trú tại: P, Lâu B, Tòa nhà N, số C, T, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Văn C, bà Trương Thị H4, ông Trương Văn T5: Ông Nguyễn Xuân H5 – Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; (có mặt).

21. Bà Bùi Thị N4; Cư trú tại: số C tổ A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

22. Ông Nghiêm Văn T7, sinh năm 1983; Cư trú tại: số C tổ A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

23. Ông Đinh Thành T8, sinh năm 1978; Cư trú tại: số I, đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

24. Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: số B - B, đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Nguyễn Ngọc T9, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro; Cư trú tại: Số B, đường V, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt).

25. Bà Nguyễn Thúy P1, sinh năm 1970; Cư trú tại: số B, đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thúy P1: Ông Nguyễn Cao T10, sinh năm 1975; Cư trú tại: tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; (xin vắng mặt).

26. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D; địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hà Minh T11, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D; (xin vắng mặt).

27. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B; địa chỉ: Tòa nhà T, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hà Minh T11, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D. (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 là người khởi kiện và ông Võ Hoàng T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2015, các đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 23/12/2015, quá trình tố tụng người khởi kiện đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Căn cứ vào nội dung Bản án hành chính phúc thẩm số 14/HCPT ngày 01/9/2004 của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Bình Dương, bà T đã đăng ký kê khai quyền sử dụng đất (QSDĐ) theo đúng nội dung của Bản án. Việc đăng ký, kê khai bà T thực hiện theo đúng hiện trạng, tuân thủ đúng quy định pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai, không có gian dối và khiếu nại liên quan đến việc

đăng ký này. Do QSDĐ được kê khai đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật, phù hợp quy hoạch và không có ai tranh chấp, nên bà T được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện D (nay là UBND thành phố D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) số vào sổ H5889 ngày 26/5/2006 đối với thửa đất số 1142, số 1143, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.238m² tọa lạc khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Sau đó, bà T tặng cho toàn bộ thửa đất trên cho các ông, bà:

- Bà Bùi Thị D1 (con bà T) các thửa đất 4021 diện tích 577,1m² và thửa 4023 diện tích 350m².
- Ông Trần Văn T4 (con bà T) thửa đất 4024 diện tích 390,8m².
- Ông Trần Văn H2 (con bà T) các thửa đất 4022 diện tích 350m² và thửa 4026 diện tích 197,4m².
- Ông Trần Văn D (con bà T) thửa đất 4025 diện tích 404,6m².
- Ông Võ Hoàng T1 diện tích còn lại 968,1m² thửa số 1143.

Bà T, bà D1, ông T4, ông H2, ông D và ông T1 đã tiến hành đầy đủ thủ tục, kê khai đóng thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật và đã được UBND thị xã D cấp Giấy CNQSDĐ.

Ngày 28/10/2015 bà T nhận Quyết định số 5183/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND huyện D thu hồi Giấy CNQSDĐ số H5889 ngày 26/05/2006 của bà T. Quyết định trên của UBND thị xã D là không có cơ sở, vì thời điểm UBND thị xã D ban hành Quyết định thu hồi, Giấy CNQSDĐ số H5889 cấp ngày 26/05/2006 cho bà T, Giấy trên đã bị thu hồi để cấp Giấy CNQSDĐ mới cho bà D1, ông T4, ông H2, ông D và ông T1 sau khi việc tặng cho được hoàn tất. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5183/QĐ –UBND ngày 13/10/2015 về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ số H5889 cấp cho bà T ngày 26/5/2006.

** Theo các đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2015, các đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 23/12/2015, ngày 04/5/2020 và quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của người khởi kiện đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2) là ông Võ Hoàng T1 trình bày:*

1. Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L:

Ngày 05/8/2011, ông Trần Văn T4 chuyển nhượng cho bà L thửa đất số 4024 do nhận tặng cho của bà T, tờ bản đồ số 2BA.4, diện tích 390.8m²; bà L được UBND thị xã D cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01296 ngày 06/9/2011. Cũng vào ngày 05/8/2011, ông Trần Văn H2 chuyển nhượng cho bà L thửa đất số 4026 diện tích 197.4m² và bà L được UBND thị xã D cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01320 ngày 14/9/2011.

Ngày 21/10/2015, UBND thị xã D mời bà L đến nhận Quyết định số 5201/QĐ-UBND, ngày 13/10/2015 về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH01296 cấp ngày 06/9/2011 và Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH01320 cấp ngày 14/9/2011. Lý do UBND thị xã D tiến hành thu hồi là Giấy CNQSDĐ đã cấp trái pháp luật và nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/05/2013 của Tòa Phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L không chấp nhận nộp Giấy CNQSDĐ vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 01/12/2015 UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5951/QĐ-UBND hủy Giấy CNQSDĐ số CH 01296 ngày 06/9/2011 và Quyết định số 5950/QĐ-UBND hủy Giấy CNQSDĐ có số CH 01320 ngày 14/9/2011 do UBND thị xã D đã cấp cho bà L.

Các quyết định nêu trên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Võ Thị L, do đó bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 5201/QĐ-UBND, ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01296 cấp ngày 06/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5206/QĐ-UBND, ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH01320 cấp ngày 14/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5950/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01320 cấp ngày 14/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5951/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01296 cấp ngày 06/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà L toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà L và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 141.976.260 đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, sổ vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã D cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, sổ vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, sổ vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, sổ vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, sổ vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, sổ vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp nhật ngày 29/11/2019 thay đổi quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, sổ vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, sổ vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, sổ vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, sổ vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, sổ vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp

cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

2. Yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn K:

Ngày 02/7/2009, bà Bùi Thị D1 chuyển nhượng lại cho ông K thửa đất số 4021 diện tích 350m². Sau khi hoàn thành việc ký kết hợp đồng ông K, bà D1 làm thủ tục kê khai, đóng thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật. Ngày 11/7/2009, UBND thị xã D đăng ký biến động, cập nhật ông K là người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06763.

Ngày 21/10/2015, UBND thị xã D mời ông K đến nhận Quyết định số 5205/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CN QSDĐ của ông K. Lý do UBND thị xã D tiến hành thu hồi là Giấy CN QSDĐ đã cấp trái pháp luật và nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/05/2013 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K không chấp nhận nộp Giấy CNQSDĐ vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 01/12/2015, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5945/QĐ-UBND về việc hủy Giấy CN QSDĐ có số vào sổ CH06763 ngày 18/3/2009, đã được đăng ký biến động sang tên cho ông Trương Văn K ngày 11/7/2009 và thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô Phạm Thiện .

Nay, ông Trương Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 5205/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH06763 ngày 18/03/2009, đăng ký biến động sang tên ông Trương Văn K ngày 11/7/2009.

- Hủy Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 06763 cấp ngày 18/3/2009, đăng ký biến động sang tên cho ông Trương Văn K ngày 11/7/2009.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông K toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông K và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 9.670.000 đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã D cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782.9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp

nhật ngày 29/11/2019 thay đổi quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đổi với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đổi với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đổi với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đổi với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đổi với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đổi với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đổi với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đổi với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đổi với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đổi với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

3. Yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim H:

Ngày 20/8/2011, ông Võ Hoàng T1 chuyển nhượng lại cho bà Trịnh Thị Kim H toàn bộ thửa đất số 1143, tờ bản đồ số 2, diện tích 968.1m². Sau khi hoàn thành việc ký kết hợp đồng, bà H và ông T1 làm thủ tục kê khai, đóng thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật. Ngày 04/7/2012, UBND thị xã D cấp cho bà Trịnh Thị Kim H Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH02038.

Ngày 21/10/2015, UBND thị xã D mời bà H đến nhận Quyết định số 5208/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà H. Lý do UBND thị xã D tiến hành thu hồi là Giấy CN trên đã cấp trái pháp luật và nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H không chấp nhận nộp Giấy CNQSD đất vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 01/12/2015, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5952/QĐ-UBND về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 02038 ngày 04/7/2012 cấp cho bà Trịnh Thị Kim H và thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô Phạm Thiện .

Nay, bà Trịnh Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 5208/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 02038 ngày 04/7/2012 do UBND thành phố D cấp cho bà Trịnh Thị Kim H.

- Hủy Quyết định số 5952/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 02038 ngày 04/7/2012 do UBND thành phố D cấp cho bà Trịnh Thị Kim H.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà H toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông K và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 52.253.000 đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã D cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782.9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp nhật ngày 29/11/2019 thay đổi chủ sở hữu quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, sổ vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, sổ vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, sổ vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

4. Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N:

Ngày 13/8/2010, ông Trần Văn D làm thủ tục tặng con là bà Trần Thị Kim N diện tích 100m² đất nằm trong thửa đất số 4025 (có tổng diện tích là 404.6m²). Sau khi ký kết hợp đồng, bà N làm thủ tục kê khai, đóng thuế trước bạ theo quy định của pháp luật. Ngày 30/9/2010, bà N được UBND thị xã D cấp Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH00504, đối với 100 m² đất nêu trên. Bà N không chấp nhận nộp Giấy CNQSDĐ vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 21/10/2015, UBND thị xã D mời bà N đến nhận Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà N. Lý do UBND thị xã D tiến hành thu hồi là Giấy CNQSDĐ đã cấp trái pháp luật và nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/05/2013 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N không chấp nhận nộp Giấy CNQSDĐ vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 01/12/2015, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5949/QĐ-UBND về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 00504 ngày 30/09/2010 do UBND thị xã D đã cấp cho bà N và thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô Phạm Thiện .

Nay, bà Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH00504 ngày 30/09/2010 do UBND thị xã D cấp cho bà Trần Thị Kim N.

- Hủy Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH00504 ngày 30/9/2010 do UBND thị xã D cấp cho bà Trần Thị Kim N.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà N toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà N và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường

căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 17.219.300 đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã D cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp nhật ngày 29/11/2019 thay đổi chủ sở hữu quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

5. Yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn X:

Ngày 05/8/2011, ông Trần Văn D chuyển nhượng cho anh vợ là ông Hồ Văn X diện tích đất 304,6 m² là diện tích đất còn lại thuộc thửa đất số 4025 (có tổng diện tích là 404.6m²). Sau khi ký hợp đồng, ông X và ông D làm thủ tục kê khai, đóng thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật. Ngày 06/09/2011, UBND thị xã D cấp cho ông X Giấy CN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH01297.

Ngày 23/10/2015, UBND thị xã D mời ông X đến nhận Quyết định số 5203/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông X. Lý do UBND thị xã D tiến hành thu hồi là Giấy CNQSDĐ đã cấp trái pháp luật và nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/05/2013 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông X không chấp nhận nộp Giấy CNQSDĐ vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 01/12/2015 UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5947/QĐ-UBND về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH01297 cấp ngày 06/09/2011.

Nay ông Hồ Văn X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 5203/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH 01297 ngày 06/9/2011 do UBND thị xã D cấp cho ông Hồ Văn X.

- Hủy Quyết định số 5947/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH01297 ngày 06/9/2011 do UBND thị xã D cấp cho ông Hồ Văn X.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông X toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông X và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 17.219.300 đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã D cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782.9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp nhật ngày 29/11/2019 thay đổi quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

6. Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim H1:

Ngày 10/5/2012, vợ chồng ông Võ Hữu N2 và bà Đoàn Thị Như L1 chuyển nhượng cho bà Võ Thị Kim H1 (vợ ông Trần Văn H2) diện tích đất 577,1 m² thửa số 4023. Nguồn gốc phần đất thửa số 4023 là do bà Bùi Thị D1 chuyển nhượng cho ông N2. Sau khi ký kết hợp đồng, bà H2, ông N2 và bà L1 bàn giao đất và thực hiện việc kê khai, đóng thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật. Ngày 08/6/2012, UBND thị xã D cấp cho bà H2 Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH01992.

Ngày 21/10/2015, UBND thị xã D mời bà H2 đến nhận Quyết định số 5204/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp. Lý do UBND thị xã D tiến hành thu hồi là Giấy CNQSDĐ đã cấp trái pháp luật và nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H2 không chấp nhận nộp Giấy CNQSDĐ vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 01/12/2015, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5948/QĐ-UBND về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01992 ngày 08/06/2012 cấp cho bà H2 và thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô Phạm Thiện .

Nay, bà Võ Thị Kim H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 5204/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có số vào sổ CH01992 ngày 08/06/2012 do UBND thị xã D cấp cho bà Võ Thị Kim H1.

- Hủy Quyết định số 5948/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có số vào sổ CH01992 ngày 08/06/2012 do UBND thị xã D cấp cho bà Võ Thị Kim H1.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà H1 toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà H1 và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 72.787.950 đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do U cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã D cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp nhật ngày 29/11/2019 thay đổi chủ sở hữu quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

7. Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H2:

Ngày 01/11/2008, bà Nguyễn Thị Tuyết t cho ông H2 diện tích đất 350m². Ông H2, bà T làm thủ tục kê khai, đóng thuế trước bạ theo quy định của pháp luật. Ngày 07/4/2009, UBND thị xã D cấp cho ông H2 Giấy CNQSDĐ có số vào sổ H06776 đối với phần diện tích đất được tặng cho 350 m², thuộc thửa đất số 4022, tờ bản đồ số 2BA4.

Năm 2012, ông H2 và vợ là bà Võ Thị Kim H1 ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 300.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần P2. Khoản vay này được thế chấp bằng Giấy CNQSDĐ số H06776 cấp ngày 07/04/2009, theo Hợp đồng thế chấp số 118/2012/BĐ ngày 12/10/2012.

Ngày 21/10/2015, UBND thị xã D mời ông H1 đến nhận Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông H1. Lý do UBND thị xã D tiến hành thu hồi là Giấy CNQSDĐ đã cấp trái pháp luật và nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H1 không chấp nhận nộp Giấy CNQSDĐ vì đã thực hiện đúng thủ tục luật định.

Ngày 01/12/2015, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5946/QĐ-UBND về việc hủy Giấy CN QSDĐ có số vào sổ H06776 ngày 07/4/2009 cấp cho ông H1 và thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô Phạm Thiện s vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015.

Nay ông Trần Văn H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ H06776 ngày 07/4/2009 do UBND thị xã D cấp cho ông Trần Văn H2.

- Hủy Quyết định số 5946/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã D về việc hủy Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ H06776 ngày 07/4/2009 do UBND thị xã D cấp cho ông Trần Văn H2.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông Trần Văn H2 toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông H2 và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 9.125.750 đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã D cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782.9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp nhật ngày 29/11/2019 thay đổi quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

Người khởi kiện trình bày UBND thành phố D ban hành các quyết định thu hồi và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện và cấp quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D là trái pháp luật, cụ thể:

- Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của TAND tối cao không có bất kỳ nội dung nào liên quan đến những người khởi kiện. UBND thị xã D đưa ra lý do để ban hành các Quyết định thu hồi, hủy GCNQSDĐ của những người khởi kiện là nhằm thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của TAND tối cao tại T (Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 giải quyết yêu cầu của bà Ngô Bích H6 buộc bà Nguyễn Thị T và hai con bà T là ông Trần Văn D, Trần Văn T4 trả lại cho bà H6 căn nhà và 3.537m đất tọa lạc tại A Ấp N). Tuy nhiên, tại Bản án phúc thẩm số 164/23013/DS-PT có thể thấy:

Yêu cầu của bà Ngô Bích H6 và nội dung của Bản án số 164/2013/DS-PT hoàn toàn không có bất kỳ nội dung nào liên quan đến các ông bà Trương Văn K, Trần Văn H2, Võ Thị Kim H1, Võ Thị L, Hồ Văn X, Trịnh Thị Kim H và Trần Thị Kim N, đồng thời các ông bà nêu trên cũng không được Tòa án triệu tập tham gia bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng với bất kỳ vai trò gì.

Những người khởi kiện không được tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng không có bất kỳ nghĩa vụ nào liên quan đến Bản án số 164/2013/DS-PT. Do đó, những người khởi kiện không phải là người phải thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Thi hành án dân sự năm 2008: *“Người phải thi hành án là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành...”*.

- UBND thị xã D không có chức năng thi hành Bản án dân sự của Tòa án.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện trong việc thi hành pháp luật và thi hành án dân sự được quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003: *“Trong việc thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 1. Chỉ đạo, tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiểm tra việc chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; 2. Tổ chức thực hiện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, bảo vệ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; 3. Chỉ đạo việc thực hiện công tác hộ tịch trên địa bàn; 4. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác thi hành án theo quy định của pháp luật; 5. Tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra N nước; tổ chức tiếp dân, giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân; hướng dẫn, chỉ đạo công tác hoà giải ở xã, thị trấn”*.

Và Điều 174 Luật Thi hành án dân sự có liên quan trong Thi hành án dân sự năm 2008: *“1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan trên địa bàn; 2. Chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Thủ trưởng*

cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; 3. Có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; 4. Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện tự kiểm tra, đề nghị Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh kiểm tra công tác thi hành án dân sự ở địa phương; 5. Quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thi hành án dân sự; Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự báo cáo công tác thi hành án dân sự ở địa phương”.

Như vậy, UBND thị xã D lấy lý do nhằm thực hiện Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2013/DS- PT ngày 20/5/2013 của TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để ban hành các Quyết định thu hồi, hủy GCNQSDĐ, là không có cơ sở, không đúng chức năng, nhiệm vụ, trái với quy định của pháp luật. Tại Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 82/QĐ-VKS-HC ngày 20/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng nêu rõ những vi phạm của UBND thị xã D và căn cứ pháp lý cho những sai phạm đó như nêu trên.

- UBND thị xã D đã căn cứ vào những văn bản pháp luật không còn hiệu lực thi hành để ban hành các Quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ.

Việc UBND thị xã D, căn cứ vào những văn bản pháp luật không còn hiệu lực thi hành để ban hành các Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn toàn trái với quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Khi ban hành các Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho những người khởi kiện, UBND thị xã D đã căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 183/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 211 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 102 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, thì tất cả các căn cứ pháp lý để ban hành các Quyết định nêu trên đều đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014 (trước thời điểm ban hành các Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Như vậy, các Quyết định thu hồi các Giấy nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện là trái với quy định của pháp luật như nêu trên. Do đó, các Quyết định hủy Giấy nhận quyền sử dụng đất được ban hành sau đó nhằm thực hiện các Quyết định thu hồi (với lý do đã có Quyết định thu hồi nhưng các hộ dân không nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cũng đương nhiên trái quy định của pháp luật.

- UBND thị xã D ban hành các Quyết định thu hồi và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện là trái với quy định của pháp luật, cụ thể:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) quy định về các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp như sau: “*Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp Luật Đất đai, trừ trường hợp người*

được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp Luật Đất đai”.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013: *“Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật”.*

Như vậy, có thể khẳng định rằng Nhà nước sẽ không thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Ở đây, những người khởi kiện đã nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất một cách hợp pháp, minh bạch, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp theo đúng trình tự quy định của pháp luật và từ khi nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất đến nay, giữa những người chuyển nhượng, tặng cho không phát sinh bất kỳ tranh chấp nào, không vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào về việc sử dụng đất, đồng thời cũng không có bất kỳ Quyết định hay Bản án nào của Tòa án tuyên Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho trên là vô hiệu hay tuyên thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện. Do đó, việc UBND thị xã D ban hành các Quyết định thu hồi và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện là hoàn toàn trái với quy định của pháp luật.

- UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2 đối với các thửa đất mà những người khởi kiện đang có quyền sử dụng hợp pháp, bất chấp các khiếu nại của những người khởi kiện, đây là một hành vi sai phạm nghiêm trọng, trái quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện.

Ngay khi biết được ông Ngô Phạm T2 đang thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của mình, những người khởi kiện khiếu nại sự việc này đến UBND phường B, UBND thị xã D, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, TAND thị xã Dĩ An cũng đã thông báo đến UBND thị xã D việc các Quyết định thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND thị xã D ban hành đang bị khởi kiện, cụ thể:

Ngày 07/5/2015, (trong khoản thời gian UBND phường B niêm yết thông báo về việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2), những người khởi kiện đã nộp Giấy báo nhận Đơn khởi kiện ngày 24/11/2015 tại UBND phường B, thị xã D, thông báo về việc đã khởi kiện các Quyết định của UBND thị xã D tại TAND thị xã Dĩ An, đồng thời khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2 đối với các thửa đất của mình. Cùng ngày, UBND phường B đã thông báo cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D, UBND thành phố D về việc hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho ông Ngô Phạm T2 chưa đầy đủ do Quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án chưa được thi hành.

Ngày 11/12/2015, TAND thị xã Dĩ An đã tổng đạt đến UBND thị xã D Thông báo thụ lý vụ án liên quan đến việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ” và triệu tập UBND thị xã D tham gia vụ án.

Ngày 15/12/2015, những người khởi kiện nộp các Thông báo thụ lý vụ án của TANDTX Dĩ An đến UBND phường B.

Ngày 22/12/2015, những người khởi kiện nộp Đơn yêu cầu đình chỉ và khiếu nại việc thực hiện các thủ tục cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2 tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, với nội dung yêu cầu UBND thị xã D lập tức đình chỉ việc thực hiện các thủ tục cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2 đối với các thửa đất của mình, vì các Quyết định thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã D đối với những thửa đất đó là trái pháp luật và đang bị khởi kiện tại Tòa án.

Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013, tại điểm c khoản 2 Điều 70 quy định về thủ tục niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất. Theo đó, UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai. Tuy nhiên, khiếu nại của những người khởi kiện đã không được các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Như vậy, việc UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 cho ông Ngô Phạm T2 đã bất chấp quy định của pháp luật và sự phản đối, khiếu nại của những người khởi kiện. Do đó, Giấy CNQSDĐ của ông Ngô Phạm T2 phải được Tòa án tuyên hủy và UBND thị xã D phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi trái pháp luật của mình, cụ thể tại khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013: *“Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp G nhận pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp Giấy nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai”*.

Theo đó, UBND thị xã D phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người khởi kiện do đã ban hành các Quyết định hành chính trái quy định của pháp luật, cụ thể theo khoản 2 Điều 206 Luật Đất đai năm 2013: *“Người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước, cho người khác, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật còn phải bồi thường theo mức thiệt hại thực tế cho Nhà nước hoặc cho người bị thiệt hại”*.

Do việc U cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Ngô Phạm T2 không có căn cứ và trái với các quy định của pháp luật như đã phân tích trên, nên tất cả các Quyết định cấp Giấy CNQSDĐ sau này của UBND thị xã D và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cho những cá nhân có liên quan đến Giấy CNQSDĐ mà UBND thị

xã D đã cấp cho ông Ngô Phạm T2 cũng mặc nhiên trái với các quy định của pháp luật.

Vụ việc đã được TAND thị xã (nay là thành phố D) xét xử sơ thẩm vào ngày 25/9/2017 và ban hành Bản án sơ thẩm số 01/2017/HCST bác toàn bộ các yêu cầu của những người khởi kiện. Sau khi những người khởi kiện kháng cáo, ngày 22/01/2018 TAND tỉnh Bình Dương đã tiến hành xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án phúc thẩm số 02/2018/HCPT tiếp tục bác toàn bộ kháng cáo. Tuy nhiên, ngày 20/01/2019 Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 82/QĐ-VKS-HC kháng nghị toàn bộ Bản án phúc thẩm nói trên.

Ngày 11/10/2019, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử Giám đốc thẩm và ra Quyết định số 23/2019/HC-GĐT chấp thuận toàn bộ kháng nghị của VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2017/HCST của TAND thị xã Dĩ An và Bản án phúc thẩm số 02/2018/HCPT của TAND tỉnh Bình Dương do các bản án bác yêu cầu của người khởi kiện trái pháp luật. Đây là một căn cứ pháp lý cực kỳ quan trọng trong vụ án này.

Qua nội dung trình bày trên, người khởi kiện khẳng định rằng các Quyết định thu hồi, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho những người khởi kiện và việc cấp Giấy chứng nhận cho ông Ngô Phạm T2, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là hoàn toàn không có căn cứ pháp luật, trái với các quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện.

** Người đại diện hợp pháp người bị kiện UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

1. Nguồn gốc thửa đất và quá trình giải quyết vụ việc

Thửa đất có diện tích 3.537m² tọa lạc tại khu phố N, phường B có nguồn gốc là của ông Ngô Văn D2 quản lý, sử dụng từ trước giải phóng cho đến năm 1983 ông D2 lập di chúc để lại cho bà Ngô Bích H6 toàn quyền quản lý sử dụng. Năm 1985 (ông D2 chết), bà H6 quản lý sử dụng. Đến năm 1986, bà H6 nhờ bà T trông coi gìn giữ bảo quản phần đất nêu trên.

Năm 1995, bà Ngô Bích H6 ngụ tại số G, đường N, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát sinh tranh chấp với bà Nguyễn Thị Tuyết n tại số A, ấp N, xã B, huyện T về việc bà T cho con là Trần Văn D xây dựng nhà ở trên phần đất 3.537m² mà không có sự đồng ý của bà Ngô Bích H6.

Sự việc chưa được giải quyết dứt điểm thì ngày 13/12/1997, UBND huyện T (nay là thị xã D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1682/QSDĐ/CQ.BA (diện tích 3.537m² thuộc xã B, huyện D) cho bà Nguyễn Thị Tuyết .1

Sau khi bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2000 bà Ngô Bích H6 đã có đơn gửi đến UBND tỉnh B tố cáo việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi đất còn đang tranh chấp.

Ngày 23/9/2002, UBND tỉnh B ban hành Công văn số 3683/UB-NC yêu cầu UBND huyện D ra quyết định thu hồi quyết định giao cấp đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1682/QSDĐ/CQ.BA đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 13/12/1997. Ngày 01/10/2002 UBND huyện D ban hành Quyết định số 1193/QĐ.CT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1682/QSDĐ/CQ.BA đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 13/12/1997.

Không đồng ý với nội dung Quyết định số 1193/QĐ-CT ngày 01/10/2002 nêu trên của UBND huyện D, bà T khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện Dĩ An.

Ngày 28/5/2003, Tòa án nhân dân huyện có Bản án số 03/HCST tuyên hủy Quyết định số 1193/QĐ-CT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1682/QSDĐ/CQ.BA đã cấp cho bà Nguyễn Thị T, đồng thời các đương sự thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, bà Ngô Bích H6 kháng cáo và ngày 11/9/2003 Tòa án nhân dân tỉnh ban hành Bản án số 08/HCPT tuyên sửa một phần bản án số 03/HCST của Tòa án nhân dân thị xã với nội dung như sau:

“Hủy Quyết định số 1193/QĐ-CT ngày 01/10/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1682/QSD cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 13/12/1997. Giao về UBND huyện D giải quyết lại cho đúng pháp luật.”

Căn cứ Bản án số 08/HCPT của Tòa án nhân dân tỉnh, ngày 13/10/2003, UBND huyện D ban hành Quyết định số 2477/QĐ.CT về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1682/QSDĐ/CQ.BA đã cấp cho bà Nguyễn Thị T, lý do cấp trái quy định pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số 2477/QĐ.CT của UBND huyện D, bà T khởi kiện và ngày 06/4/2004 Tòa án nhân dân huyện Dĩ An ban hành Bản án số 03/HCST với nội dung: Hủy Quyết định số 2477/QĐ.CT ngày 13/10/2003 của UBND huyện D với lý do vụ kiện tranh chấp gắn liền tài sản thì thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Sau đó, ông Ngô Phạm T2 đại diện cho bà Ngô Bích H6 kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 03/HCST của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An.

Ngày 01/9/2004 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử và ban hành Bản án số 14/HCPT tuyên sửa Bản án sơ thẩm số 03/HCST ngày 06/4/2004 của Tòa án nhân dân thị xã, cụ thể như sau:

“Giữ nguyên Quyết định số 2477/QĐ.CT ngày 13/10/2003 của UBND huyện D.

Về di sản của cụ D2: Bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý sử dụng như hiện trạng. Các đồng thừa kế có phát sinh tranh chấp sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết nếu còn thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật”.

Ngày 15/12/2004 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Công văn số 02/HC-TLĐ về việc trả lời đơn ông Ngô Phạm Thiện . Tại Văn bản này, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải thích nội dung Bản án số 14/HCPT ngày 01/9/2004 như sau: *“Tòa án là cơ quan tiến hành tố tụng, không có thẩm quyền giao đất và thu hồi đất; Việc giao đất và thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không giao phần đất tranh chấp cho bà T mà tạm thời để bà T tiếp tục quản lý, sử dụng di sản của cụ D2 như hiện trạng, tránh tình trạng làm hư hỏng, hủy hoại, tẩu tán tài sản trước khi các đồng thừa kế có yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, Bản án số 14/HCPT ngày 01/9/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không công nhận và cũng không yêu cầu UBND thị xã D cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

2. Quá trình cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5889 cho bà Nguyễn Thị T ngày 26/5/2006.

Ngày 24/4/2006, bà T nộp đơn tại Thi hành án dân sự huyện Dĩ An (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An) yêu cầu xin thi hành Bản án phúc thẩm số 14/HCPT ngày 01/9/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Cùng ngày 24/4/2006, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An có văn bản do Chấp hành viên ký trả lời bà T với nội dung như sau:

- *“Theo quyết định Bản án phúc thẩm hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết g nguyên Quyết định số 2477/QĐ.CT ngày 13/12/1997. Như vậy theo quyết định của bản án, thì Thi hành án dân sự huyện D không phải thi hành án và bà không phải thi hành án .*

- *“ Về việc bà xin thi hành án để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tinh thần Bản án nêu trên, bà được giao tiếp tục quản lý sử dụng phần đất nêu trên và nếu muốn được giải quyết xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà phải hoàn tất các thủ tục đăng ký, kê khai và thực hiện các thủ tục khác theo quy định để UBND thị xã D xem xét giải quyết”*.

Ngày 28/9/2005, bà Nguyễn Thị T có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 3.238m² (đo đạc thực tế) tại khu phố N, phường B, thị xã D (phần đất này, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi nêu trên).

Ngày 02/11/2005, UBND phường B xác nhận Đơn xin cấp Giấy chứng nhận của bà T với các nội dung như sau:

- Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Nguồn gốc là của ông Ngô Văn D2 sử dụng từ trước giải phóng cho đến năm 1985 (ông D2 chết), bà T tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 1997, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1682/QSDĐ/CQ.BA. Do phát sinh tranh chấp, ngày 13/10/2003, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 2477/QĐ.CT về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, do cấp trái quy định pháp luật. Bà T tiếp tục khiếu kiện Quyết định số 2447/QĐ-CT đến Toà án nhân dân các cấp và được giải quyết tại

Bản án 14/HCPT ngày 01/9/2004 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, theo đó bà T tiếp tục quản lý, sử dụng;

- Về tranh chấp: Không ai tranh chấp.

- Về phù hợp quy hoạch: Khu dân cư.

- Ngày 19/5/2006, Phòng T12 thẩm tra đủ điều kiện (kèm theo Văn bản ngày 24/4/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An), tham mưu UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5889 cho bà Nguyễn Thị T ngày 26/5/2006, diện tích 3.2381m², thửa đất 1142, 1143 tờ bản đồ số 02.

Như vậy, việc UBND xã B xác nhận vào hồ sơ và Phòng nguyên và môi trường tham mưu UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5889 ngày 26/5/2006 cho bà Nguyễn Thị T không đúng quy định của pháp luật, bởi vì kể từ khi Bản án phúc thẩm số 14/HCPT ngày 01/9/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương có hiệu lực, đến nay chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có văn bản giao đất và yêu cầu UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

3. Quá trình biến động Giấy chứng nhận QSDĐ số H5889 và cấp Giấy CNQSDĐ cho 08 hộ dân.

Năm 2009, bà T tách thửa tặng cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất hết diện tích tại Giấy chứng nhận nêu trên cho các ông bà, gồm:

- Bà Bùi Thị D1, các thửa 4021 (350m²), thửa 4023 (577, 1m²);
- Ông Trần Văn T4, thửa 4024, diện tích 390,8m²;
- Ông Trần Văn H2, thửa 4022 (350m²), thửa 4026 (197,4m²);
- Ông Trần Văn D, thửa 4025, diện tích 404,6m²;
- Ông Võ Hoàng T1, thửa 1143, diện tích 968, 1m².

Sau khi nhận chuyển quyền sử dụng đất, các ông bà nêu trên tiếp tục chuyển quyền sử dụng đất cho các ông bà sau đây:

- Bà Bùi Thị D1 chuyển nhượng cho 2 người:

- + Ông Võ Hữu N2, thửa 4023; sau đó, ông N2 chuyển nhượng lại cho bà Võ Thị Kim H1. Bà H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01992 ngày 08/6/2012.

- + Ông Trương Văn K, thửa 4021, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06763 ngày 18/3/2009 (đăng ký biến động sang tên ngày 11/7/2009).

- Ông Trần Văn T4 chuyển nhượng thửa 4024 cho bà Võ Thị L. Bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 1296 ngày 06/9/2011.

- Ông Trần Văn H2 chuyển nhượng một phần diện tích cho bà Võ Thị L. Bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 1320 ngày 14/9/2011. Phần còn lại thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn H2. Ông H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06667 ngày 07/4/2009.

- Ông Trần Văn D, tách thửa 4025, chuyển nhượng cho 2 người:
- + Bà Trần Thị Kim N. Bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00504 ngày 30/9/2010 với diện tích 100m², lập thửa 4038.
- + Ông Hồ Văn X. Ông X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 1297 ngày 06/9/2011, với diện tích 304,6m².
- Ông Võ Hoàng T1, thửa 1143, chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Kim H. Bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02038 ngày 04/7/2012, với diện tích 968,1m².

4. Về các quyết định thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tháng 12/2010 bà Ngô Bích H6 khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại nhà và đất với diện tích 3537m² tọa lạc tại khu phố N, xã B (nay là phường B).

Ngày 23/10/2012 Tòa án nhân dân tỉnh đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 11/2012/DS-ST với nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Bích H6. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn D và ông Trần Văn T4 phải giao trả cho bà H6 khu đất có diện tích 2.790m² (trong đó có 188,3m² đất ở; 7,1m² đất nghĩa địa và 2.595,5m² đất nông nghiệp) và căn nhà số A khu phố N, phường B, thị xã D. Bà H6 được quyền sở hữu các tài sản có trên đất. Ông Ngô Phạm T2 được quyền thay bà H6 quản lý các tài sản trên. Ngoài ra, Bản án còn tuyên bà T, ông D, ông T4 được quyền quản lý sử dụng 316,3m² (khu đất có vị trí A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo). Bà H6 có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 15.824.700 đồng (giá trị tài sản căn nhà bếp, nhà tắm và chuồng trại cạnh nhà tắm).

Ngày 29/10/2012, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 20/5/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên Bản án số 164/2013/DS-PT về việc kiện đòi tài sản của cụ D2 chết để lại. Theo nội dung bản án tuyên: "... Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Trần Văn D và anh Trần Văn T4 phải giao trả cho bà Ngô Bích H6 khu đất có diện tích 2.790m² (trong đó có 188,3m² đất ở; 7,1m² đất nghĩa địa và 2.595,5m² đất nông nghiệp) và căn nhà 150B ấp N, xã B, thị xã D, tỉnh Bình Dương". Bản án còn nội dung ghi nhận sự tự nguyện của bà H6 về việc cho lại bà T, ông T4, ông D một phần đất có diện tích 316,3m² (trong đó có 50m² đất ở và 266,3m² đất nông nghiệp) vì có công trông coi bảo quản tài sản trên.

Bản án 164/2013/DS-PT có hiệu lực thi hành. Ông Ngô Phạm T2 có đơn nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương đề nghị thi hành Bản án này. Ngày 20/8/2013, Cục Thi hành án dân sự có Quyết định số 483/QĐ-CTHA thi hành Bản án. Ngày 18/9/2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh có biên bản xác minh tại Phòng T12, từ đó mới phát hiện phần đất diện tích 3.106,8m² (diện tích đo đạc thực tế) mà Tòa án nhân dân tối cao giao cho ông Ngô Phạm T2 đã được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T và bà T đã tách thửa, tặng cho những người khác như đã nêu tại nội dung biến động đất đai ở phần trên.

Ngày 11/3/2014 ông T2 làm đơn khiếu nại yêu cầu UBND thị xã D thu hồi các Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trên khu đất của ông T2. Qua thẩm tra, UBND thị xã D nhận thấy Giấy chứng nhận QSDĐ số H5889 cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 26/5/2006 là trái pháp luật. Do đó, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 5183/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số H 5889 và các Quyết định từ số 5201/QĐ-UBND đến số 5208/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông, bà Võ Thị L, Trương Văn K, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Võ Thị Kim H1, Trần Văn H2.

Do một số người không giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 01/12/2015 UBND thị xã D ban hành các Quyết định từ số 5945/QĐ-UBND đến số 5952 hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông, bà Võ Thị L, Trương Văn K, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Võ Thị Kim H1, Trần Văn H2. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

** Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trình bày:*

I. Về việc UBND thành phố D ban hành các Quyết định thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận); cấp Giấy chứng nhận cho ông Ngô Phạm T2 và bà Nguyễn Thị T

1. Đối với việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận

- Ngày 20/5/2013, Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh-Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Bản án số 164/2013/DS-PT về việc kiện đòi tài sản. Tại Bản án đã tuyên:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết .1 Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2012/DS-ST ngày 23/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương như sau:

Bà Ngô Bích H6 được thừa kế 3.016,3m² đất của cụ Ngô Văn D2 trên đó có căn nhà số A ấp N, xã B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Bích H6 cho lại bà Nguyễn Thị T, anh Trần Văn D và anh Trần Văn T4 được quyền quản lý sử dụng 316,3m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 266,3m² đất nông nghiệp), vì có công trông coi bảo quản tài sản trên.

Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Trần Văn D và anh Trần Văn T4 phải giao trả cho bà Ngô Bích H6 khu đất có diện tích 2.790m² (trong đó có 188,3m² đất ở; 7,1m² đất nghĩa địa và 2.595,5m² đất nông nghiệp) và căn nhà 150B ấp N, xã B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Bà Ngô Bích H6 được quyền sở hữu các tài sản trên đất do bà T, anh D và anh T4 giao lại gồm: 52,2m² nhà bếp, nhà tắm và chuồng trại cạnh nhà tắm.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Bích H6 cho riêng ông Ngô Phạm T2 toàn bộ tài sản thừa kế nói trên. Ông Ngô Phạm T2 được quyền yêu cầu thi hành án và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20/8/2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định thi hành án theo Đơn yêu cầu số 483/QĐ-CTHA.

- Ngày 13/10/2015, U (nay là thành phố) D đã ban hành 09 Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị T và các cá nhân nhận tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ khu đất của bà T. *Lý do thu hồi: Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật và nhằm để thực hiện Bản án phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.* Cụ thể như sau:

STT	Tên người sử dụng đất	Số quyết định thu hồi	Giấy chứng nhận thu hồi	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Tuyết	5183/QĐ-UBND	H 5889 ngày 26/5/2006	Đã được thu hồi và lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Dĩ An.
2	Ông Trần Văn Hạnh	5207/QĐ-UBND	H 06776 ngày 07/4/2009	
3	Ông Trương Văn Khăng	5205/QĐ-UBND	H 06763 ngày 18/3/2009 (đăng ký biến động sang tên ông Khăng ngày 11/7/2009)	
4	Bà Trịnh Thị Kim Hà	5208/QĐ-UBND	CH 02038 ngày 04/7/2012	
5	Bà Trần Thị Kim Ngân	5202/QĐ-UBND	CH 00504 ngày 30/9/2010	
6	Bà Võ Thị Lợi	5206/QĐ-UBND	CH 01320 ngày 14/9/2011	
7	Bà Võ Thị Kim Hạnh	5204/QĐ-UBND	CH 01992 ngày 08/6/2012	

8	Ông Hồ Văn Xáng	5203/QĐ-UBND	CH 01297 ngày 06/9/2011	
9	Bà Võ Thị Lợi	5201/QĐ-UBND	CH 01296 ngày 06/9/2011	

- Ngày 01/12/2015, UBND thành phố D tiếp tục ban hành các Quyết định hủy Giấy chứng nhận các của cá nhân nhận tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ khu đất của bà T. *Lý do: Hủy theo Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đã có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận nhưng người được cấp Giấy chứng nhận không giao nộp bản chính Giấy chứng nhận.* Cụ thể như sau:

STT	Tên người sử dụng đất	Số Quyết định hủy	Giấy chứng nhận bị hủy
1	Ông Trần Văn Hạng	5946/QĐ-UBND	CH 06776 ngày 07/4/2009
2	Ông Trương Văn Kháng	5945/QĐ-UBND	H 06763 ngày 18/3/2009 (đăng ký biến động sang tên ông Kháng ngày 11/7/2009)
3	Bà Trịnh Thị Kim Hà	5952/QĐ-UBND	CH 02038 ngày 04/7/2012
4	Bà Trần Thị Kim Ngân	5949/QĐ-UBND	CH 00504 ngày 30/9/2010
5	Bà Võ Thị Lợi	5950/QĐ-UBND	CH 01320 ngày 14/9/2011
6	Bà Võ Thị Kim Hạng	5948/QĐ-UBND	CH 01992 ngày 08/6/2012
7	Ông Hồ Văn Xáng	5947/QĐ-UBND	CH 01297 ngày 06/9/2011
8	Bà Võ Thị Lợi	5951/QĐ-UBND	CH 01296 ngày 06/9/2011

- Ngày 30/8/2016, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D (gọi tắt là Chi nhánh D3) đã có Công văn số 2793/CNVPĐKĐĐ-THHC, thông báo đến

Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân các phường trên địa bàn thị xã D không thực hiện công chứng, chứng thực đối với các trường hợp sử dụng bản gốc Giấy chứng nhận nêu trên.

- Ngày 06/9/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D đã có Công văn số 6265/CNVPĐKĐĐ-THHC, báo cáo T13, Sở T để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử, Sở Tư pháp thông tin đến hệ thống các Phòng, Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương và UBND các phường trên địa bàn thị xã D biết và không thực hiện công chứng, xác nhận tình trạng bất động sản,... đối với các Giấy chứng nhận nêu trên.

- Ngày 26/9/2019, Văn phòng Đ đã đăng tin danh sách các Giấy chứng nhận đã bị thu hồi, hủy theo quy định trên Cổng thông tin điện tử của Sở T.

2. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận cho ông T2

- Ông Ngô Phạm T2 đã được UBND thị xã D cấp 03 Giấy chứng nhận (*cấp theo Bản án số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh*), cụ thể như sau:

+ Giấy chứng nhận số phát hành CB 908977, số vào sổ cấp GCN: CH 04351 ngày 23/12/2015, với diện tích là 2.782,9m² thuộc thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17. Mục đích sử dụng: Đất ở 800m²; đất trồng cây lâu năm: 1.982,9m².

+ Giấy chứng nhận số phát hành CL 992098, số vào sổ cấp GCN: CH 07774 ngày 18/10/2018, với diện tích là 3,6m², thuộc thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17. Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CL 992097, số vào sổ cấp GCN: CH 07773 ngày 18/10/2018, với diện tích là 3,5m², thuộc thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17. Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

- Ngày 22/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Bản án số 02/2018/HC-PT về việc khiếu kiện Quyết định hành chính về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận. Tại bản án đã tuyên:

+ *Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2.*

+ *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5183/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã D;*

+ *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 về việc yêu cầu: Hủy các Quyết định về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận nêu trên và hủy Giấy chứng nhận có số vào sổ CH 04351 cấp ngày 23/12/2015 cho ông Ngô Phạm Thiện .*

3. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Tuyết

Ngày 26/11/2019, UBND thị xã D đã cấp Giấy chứng nhận (*cấp theo Bản án số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối*

cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) số CR 837470, thuộc thửa đất số 4122, tờ bản đồ 17, diện tích 316,3m² (trong đó có 50m² đất ở; 266,3m² đất trồng cây lâu năm) cho bà Nguyễn Thị T (là người đại diện cho những người cùng sử dụng đất gồm ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị T).

II. Quá trình đăng ký biến động sau khi ông Ngô Phạm T2 được cấp Giấy chứng nhận

1. Đối với 03 thửa đất số 4078, 4119, 4120, tờ bản đồ số 17

- Ngày 01/11/2017, ông Ngô Phạm T2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa 4078 cho bà Hoàng Đình Uyên T3 và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D chỉnh lý biến động tại trang 4 Giấy chứng nhận số CB 908977 diện tích 2782.9m² (trong đó có 800m² đất ở, 1982.9m² đất trồng cây lâu năm).

- Ngày 31/10/2019, bà T3 tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 4078 cho ông Trương Văn C và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp Giấy chứng nhận số CO 116260, sổ vào sổ cấp GCN: CS 07815.

- Ngày 27/02/2019, ông Trương Văn C đã tách thửa đất 4078 thành 04 thửa đất như sau:

+ Thửa đất số 4123, tờ bản đồ 17, diện tích 277,2m² (trong đó có 210m² đất ở; 67,2m² đất trồng cây lâu năm), đã được Sở T cấp Giấy chứng nhận số CO 122038.

+ Thửa đất số 4124, tờ bản đồ 17, diện tích 277,2m² (trong đó có 210m² đất ở; 67,2m² đất trồng cây lâu năm), đã được Sở T cấp Giấy chứng nhận số CO 122039.

+ Thửa đất số 4125, tờ bản đồ 17, diện tích 277,2m² (trong đó có 210m² đất ở; 67,2m² đất trồng cây lâu năm), đã được Sở T cấp Giấy chứng nhận số CO 122040.

+ Phần diện tích còn lại thuộc Giấy chứng nhận số CO 116260, đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D chỉnh lý biến động tại trang 3 GCN, với nội dung: Diện tích còn lại là 1.951,3m² (trong đó có 170m² đất ở), có số thửa mới là 4126.

- Ngày 17/10/2019, ông Trương Văn C đã hợp thửa đất số 4126, 4119, 4120 thành thửa đất số 4127, tờ bản đồ 17, diện tích 1.958,4m² (trong đó có 170m² đất ở; 1.788,4m² đất trồng cây lâu năm) và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận số CL 524171.

2. Đối với 03 thửa đất số 4123, 4124, 4125, tờ bản đồ số 17

a) Thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17: Ngày 17/5/2019, ông Trương Văn C đã tách thửa 4123 thành 03 thửa, cụ thể:

- Thửa đất số 4128, tờ bản đồ 17, diện tích 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở; 22,4m² đất trồng cây lâu năm), để tặng cho ông Trương Văn T5 và đã được Sở

Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận số CO 177708. Ngày 06/9/2019, ông T5 đã đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T14 và được Chi nhánh D3 đăng ký tại trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận số CO 17708.

- Thừa đất số 4129, tờ bản đồ 17, diện tích 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở; 22,4m² đất trồng cây lâu năm), để tặng cho bà Trương Thị H4 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận số CO 177709. Ngày 04/9/2019, bà H4 đã đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T14 và được Chi nhánh D3 đăng ký tại trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận. Ngày 23/4/2020, bà H4 đã xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất.

- Phần diện tích còn lại thuộc Giấy chứng nhận số CO 122038, đã được Chi nhánh D3 chỉnh lý biến động tại trang 3 Giấy chứng nhận, với nội dung: Diện tích còn lại là 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở), có số thửa mới là 4130. Ngày 09/9/2019, ông C đã đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T14 và được Chi nhánh D3 đăng ký tại trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận. Ngày 27/4/2020, ông C đã xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất.

b) Thừa đất số 4124, tờ bản đồ số 17: Ngày 25/4/2019, ông Trương Văn C đã tách thửa 4124 thành 03 thửa, cụ thể:

- Thừa đất số 4134, tờ bản đồ 17, diện tích 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở; 22,4m² đất trồng cây lâu năm), đã được Sở T cấp Giấy chứng nhận số CL 488594.

- Thừa đất số 4135, tờ bản đồ 17, diện tích 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở; 22,4m² đất trồng cây lâu năm), đã được Sở T cấp Giấy chứng nhận số CL 488595.

- Phần diện tích còn lại thuộc GCN số CO 122039, đã được Chi nhánh D3 chỉnh lý biến động tại trang 3 GCN, với nội dung: Diện tích còn lại là 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở), có số thửa mới là 4136.

- Ngày 09/9/2019, ông C đã đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất thửa 4134, 4135, 4136 tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T14 và được Chi nhánh D3 đăng ký tại trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận. Ngày 27/4/2020, ông C đã xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất.

b) Thừa đất số 4125, tờ bản đồ số 17: Ngày 03/5/2019, ông Trương Văn C đã tách thửa 4125 thành 03 thửa, cụ thể:

- Thừa đất số 4131, tờ bản đồ 17, diện tích 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở; 22,4m² đất trồng cây lâu năm), để tặng cho ông Trương Văn T5 và đã được Sở T cấp Giấy chứng nhận số CL 488124. Ngày 06/9/2019, ông T5 đã đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất thửa 4131 tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T14 và được Chi nhánh D3 đăng ký tại trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận. Ngày 24/4/2020, ông T5 đã xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất.

- Thừa đất số 4132, tờ bản đồ 17, diện tích 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở; 22,4m² đất trồng cây lâu năm), để tặng cho bà Trương Thị H4 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận số CL 488122. Ngày 27/8/2019, bà

H4 đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa 4132 cho bà Bùi Thị N4 và được Chi nhánh D3 đăng ký biến động tại trang 3 Giấy chứng nhận số CL 488122. Ngày 24/3/2020, bà N4 được Chi nhánh D3 chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và cấp Giấy chứng nhận số CO 009686.

- Phần diện tích còn lại thuộc Giấy CNQSDĐ số CO 122040, đã được Chi nhánh D3 chỉnh lý biến động tại trang 3 Giấy CNQSDĐ, với nội dung: Diện tích còn lại là 92,4m² (trong đó có 70m² đất ở), có số thửa mới là 4133. Ngày 09/9/2019, ông C chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa 4133 cho ông Đinh Thành T8 và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cấp Giấy chứng nhận số CR 391086. Ngày 27/02/2020, ông T8 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và cấp Giấy chứng nhận số CO 009640.

III. Ý kiến của Sở T:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 79, khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh B về việc quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Qua rà soát toàn bộ hồ sơ và căn cứ các quy định nêu trên, Sở T nhận thấy việc cấp các Giấy chứng nhận do đăng ký biến động từ các Giấy chứng nhận số CB 908977, CL 992098, CL 992097 của ông Ngô Phạm T2 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo đúng quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Phạm T2, bà Hoàng Đình Uyên T3 trình bày:*

Từ năm 1995, bà Ngô Bích H6 đã khiếu kiện bà Nguyễn Thị T và các con tranh chấp diện tích đất 3.537m², tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương) mà bà H6 được hưởng từ di chúc của ông nội tên Ngô Văn D2. Bà T đã nhiều lần kê khai đăng ký xin cấp Giấy CNQSDĐ không đúng pháp luật và bị Tòa án xét xử hủy Giấy CNQSDĐ. Ngày 23/10/2012, TAND tỉnh Bình Dương xét xử bằng Bản án dân sự số 11/2012/DS-ST tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H6, buộc bà Nguyễn Thị T và các con của bà T phải trả lại phần đất có diện tích 2.790m² cho bà Ngô Bích H6; ghi nhận việc bà H6 cho bà T phần đất có diện tích 316m² vì đã có công trông coi, gìn giữ đất. Bản án sơ thẩm đã được Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận y án tại Bản án số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013. Nội dung Bản án còn ghi nhận việc bà Ngô Bích H6 tặng cho ông Ngô Phạm T2 toàn bộ phần đất có diện tích 2.790m² nhận lại từ bà T.

Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa phúc thẩm, ông Ngô Phạm T2 làm đơn thi hành án. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương quá trình thi hành án xác định phần đất của bà Nguyễn Thị T

làm thủ tục tặng cho nhiều người. Những người này đã được UBND thị xã D cấp Giấy CNQSDĐ.

Ngày 13/10/2015, UBND thị xã D ban hành các Quyết định thu hồi các Giấy CNQSDĐ. Các Giấy CNQSDĐ nêu trên hết hiệu lực kể từ ngày 13/11/2015. Do những người này không giao nộp Giấy CNQSDĐ nêu trên nên ngày 01/12/2015, UBND thị xã D ban hành các Quyết định hủy các Giấy CNQSDĐ. Ngày 23/12/2015, UBND thị xã D đã cấp Giấy CNQSDĐ số vào sổ CH 04351 cho ông Ngô Phạm Thiện . Việc UBND thị xã D cấp Giấy CN QSDĐ cho bà Nguyễn Thị T là không đúng pháp luật, sau đó bà T tặng cho phần diện tích đất này cho người khác những người này lại tiếp tục chuyển nhượng, tặng cho QSDĐ cho người khác là vi phạm pháp luật.

Bản án phúc thẩm số 14/HC-PT không hề nêu cũng như công nhận lô đất này là của bà Nguyễn Thị T được thụ hưởng mà chỉ giao bà T được quản lý, chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục dân sự. Trong thời gian này, lô đất này đang trong thời gian giải quyết tranh chấp nhưng bà T cố tình tặng cho đất để gây khó khăn cho việc thi hành án của ông T2. Quá trình bà H6, ông T2 tranh chấp với bà T đã kéo dài hơn 20 năm, tất cả các bản án trước Tòa án đều xác định phải thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và công nhận đất cho ông T2. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP P2 (viết tắt là O) trình bày:*

Ngân hàng O và ông Trần Văn H2, bà Võ Thị Kim H1 đã thoả thuận ký kết Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0082/2013/HĐTD-CN ngày 09/10/2013, nội dung:

- Số tiền vay: 250.000.000 đồng
- Mục đích: Mua sắm trong thiết bị nội thất gia đình.
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày nhận nợ và được tính
- Lãi suất trong hạn: 14,5%/năm, được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2)

+ Lãi suất cơ sở (1): bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ) do OCB công bố tại thời điểm tính lãi.

+ Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 4,5%/năm

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 4022, tờ bản đồ số 2BA 4, diện tích 324,5m² tại khu phố N, Phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương (Giấy CNQSDĐ số

H 06776 do UBND huyện D cấp ngày 07/4/2009, cập nhật thay đổi ngày 11/9/2011) cho ông Trần Văn H2 và bà Võ Thị Kim H1

Chi tiết về việc thế chấp quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 118/2012/BĐ ngày 12/10/2012, công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D theo quy định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, OCB phát hiện tài sản thế chấp có tranh chấp nên OCB đã yêu cầu ông Trần Văn H2 tắt toán nợ trước hạn. Tuy nhiên, ông Trần Văn H2 không thực hiện nên OCB có khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An. Đến tháng 4/2018, ông Trần Văn H2 đã tắt toán toàn bộ khoản vay tại OCB và OCB cũng đã giải chấp, trả lại tài sản thế chấp cho ông Trần Văn H2.

Hiện tại, ông Trần Văn H2 và bà Võ Thị Kim H1 đã thanh toán hết nợ cho OCB và OCB cũng đã giải chấp và trả lại tài sản thế chấp cho ông Trần Văn H2 và bà Võ Thị Kim H1 nên thiết nghĩ, OCB không còn có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án hành chính “Khiếu kiện Quyết định hành chính về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” nữa. Vì vậy, bằng văn bản này, OCB xin vắng mặt ở tất cả các thủ tục/giai đoạn của quá trình tố tụng tại Tòa án có thẩm quyền các cấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T14 trình bày:*

Khách hàng của Ngân hàng chúng tôi là ông Trương Văn C, sinh năm 1977, địa chỉ 2 Đ, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Trương Thị H4, sinh năm 1987, địa chỉ số F, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; ông Trương Văn T5, sinh năm 1982, địa chỉ xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; cùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nêu trên.

Ngày 28/8/2019, Công ty TNHH MTV T15 vay vốn số tiền 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T14 (sau đây gọi là “S1”) theo hợp đồng tín dụng số LD1923400743, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 1 năm (ngày đáo hạn 28/08/2020).

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Trương Văn C, ông Trương Văn T5, bà Trương Thị H4 đã sử dụng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV T15 vay vốn tại S1, cụ thể:

1 Các tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của ông Trương Văn C:

a. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: thửa đất số 4130, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; diện tích 92,4m²

Chứng từ sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO122038, số vào sổ cấp GCN: CS08131 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/02/2019, cập nhật thay đổi ngày 17/5/2019.

b. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.2), khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích 92,4m² Chứng từ sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL488594, số vào sổ cấp GCN: CS08324 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/4/2019.

c. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; diện tích 92,4m² Chứng từ sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL488595, số vào sổ cấp GCN: CS08326 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/4/2019.

d. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Thửa đất số 4136, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; diện tích 92,4m², chứng từ sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO122039, số vào sổ cấp GCN; CS08132 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/02/2019, cập nhật thay đổi ngày 25/4/2019.

Việc thế chấp bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV T15 được ký kết giữa ông Trương Văn C và S1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 317/HĐTC-BĐS/CNTĐ, ký ngày 03/9/2019 được Phòng C3, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 03/9/2019, số công chứng: 2119, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; và thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã D, tỉnh Bình Dương ngày 03/9/2019.

2. Các tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của ông Trương Văn T5:

a. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích 92,4m². Chứng từ sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO177708, số vào sổ cấp GCN: CS08379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/05/2019.

b. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích 92,4m².

Chứng từ sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL488124, số vào sổ cấp GCN: CS08335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 03/5/2019.

Việc thế chấp bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV T15 được ký kết giữa ông Trương Văn T5 và S1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 318/HĐTC-BĐS/CNTĐ, ký ngày 28/08/2019 được Phòng C3, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 28/08/2019, số công chứng: 2081, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; và thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D, tỉnh Bình Dương ngày 03/9/2019.

3. Tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của bà Trương Thị H4:

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4). Khu phố N, Phường C, B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích 92,4m². Chứng từ

sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO177709, sổ vào sổ cấp GCN: CS08380 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/05/2019.

Việc thế chấp bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV T15 được ký kết giữa bà Trương Thị H4 và S1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 319/HĐTC-BDS/CNTĐ, ký ngày 28/8/2019 được Phòng C3, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 28/8/2019, số công chứng: 2080, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; và thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D, tỉnh Bình Dương ngày 28/8/2019.

Ngày 22/4/2020, Công ty TNHH MTV T15 đã tắt toán toàn bộ dư nợ vay được đảm bảo bởi các tài sản nêu trên và Ngân Hàng TMCP S – Chi nhánh T14 đã hoàn trả bản chính chứng từ sở hữu liên quan đến các tài sản đảm bảo nêu trên cho Ông Trương Hoàng C1, ông Trương Văn T5, bà Trương Thị H4 và thực hiện các thủ tục giải trừ, xóa đăng ký giao dịch đảm bảo tại Phòng C3, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Theo đó, Ngân hàng không có nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”; người khởi kiện là ông/bà Nguyễn Thị T, Võ Thị L, Trương Văn K2, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Võ Thị Kim H1, Trần Văn H2, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố D, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B nêu trên.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy P1 trình bày:*

Ông Trương Văn C là chủ sử dụng diện tích đất 1.958,4m², thuộc thửa đất số: 4127, tờ bản đồ số: 17 (2BA.4), tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL524171, sổ vào sổ cấp GCN: CS08254 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/10/2019.

Ngày 22/11/2019, ông Trương Văn C đến Văn phòng C4, tỉnh Bình Dương ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thúy P1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 13290, quyền số: 1 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2019. Sau khi hợp đồng được công chứng, bà Nguyễn Thúy P1 thanh toán tiền đầy đủ cho ông Trương Văn C và tiến hành làm thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đã được Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D cập nhật thay đổi thông tin chủ sử dụng cho bà Nguyễn Thúy P1 ngày 29/11/2019.

Theo thông báo thụ lý vụ án (bổ sung) số: 12/2020/TB-TA ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì những người khởi kiện là các ông, bà Võ Thị Kim H1, Võ Thị L, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Trần Văn H2, Trương Văn K2 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL524171, sổ vào sổ cấp GCN: CS08254 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/10/2019 cho ông

Trương Văn C, cập nhật thay đổi thông tin chủ sử dụng cho bà Nguyễn Thúy P1 ngày 29/11/2019. Nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là không có căn cứ nên bà Nguyễn Thúy P1 không đồng ý, vì thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thúy P1 là hợp pháp, ngay tình, có Giấy tờ pháp lý đầy đủ và hợp lệ, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên được Văn phòng C4 chứng nhận và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T5 trình bày:*

Năm 2019, ông T5 có nhận tặng cho của ông Trương Văn C phần đất có diện tích 92,4 m² thuộc thửa đất 4128 và phần đất có diện tích 92,4m² thuộc thửa đất 4131 tờ bản đồ số 17(2BA.4), tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/5/2019, ông Trương Văn T5 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708 số vào sổ CS08379, thửa đất 4128, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m²;

Ngày 03/5/2019, ông Trương Văn T5 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335, thửa đất 4131, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m²;

Việc chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T5 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Võ Thị Kim H1, Võ Thị L, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Trần Văn H2, Trương Văn K: Ông T5 không đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét và giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H4 trình bày:*

Năm 2019, bà Trương Thị H4 có nhận cho tặng của ông Trương Văn C phần đất có diện tích 92,4m² thuộc thửa đất 4129 và phần đất có diện tích 92,4m² thuộc thửa đất 4132 tờ bản đồ số 17(2BA.4), tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 03/5/2019, bà Trương Thị H4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336, thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m².

Ngày 17/5/2019, bà Trương Thị H4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, thửa đất 4129, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m².

Việc chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Trương Thị H4 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Võ Thị Kim H1, Võ Thị L, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Trần Văn H2, Trương Văn K thì bà H4 không đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét và giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn C trình bày:*

Năm 2018, ông C có nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Đình U Thảo phần đất có diện tích 2.782,9m² thuộc thửa đất 4078, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã D.

Ngày 31/10/2018, ông Trương Văn C được Sở Tài nguyên Và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, thửa đất 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C có chuyển nhượng và tặng cho một số người, cụ thể:

Tặng cho ông Trương Văn T5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708 số vào sổ CS08379, thửa đất 4128, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 ngày 17/5/2019;

Tặng cho bà Trương Thị H4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, thửa đất 4129, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 ngày 17/5/2019;

Tặng cho ông Trương Văn T5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335, thửa đất 4131, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 ngày 03/5/2019;

Tặng cho bà Trương Thị H4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336, thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 ngày 03/5/2019.

Chuyển nhượng cho ông Đinh Thành T8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794, thửa đất 4133, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 ngày 09/9/2019;

Chuyển nhượng cho ông Đinh Thành T8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS09236, thửa đất 4133, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4 m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 ngày 27/02/2020;

Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thúy P1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, thửa đất 4127, tờ bản

đồ số thửa đất 4133, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 1.958,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho tôi ngày 17/10/2019, đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cập nhật ngày 29/11/2019 thay đổi chủ sở hữu là bà Nguyễn Thúy P1.

Đồng thời, ông C đã tách sổ thành các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, sổ vào sổ CS08131, thửa đất 4123, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 277,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C ngày 27/02/2019;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, sổ vào sổ CS08132, thửa đất 4124, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 277,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C ngày 27/02/2019;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, sổ vào sổ CS08133, thửa đất 4125, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 277,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C ngày 27/02/2019;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, sổ vào sổ CS08324, thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C ngày 25/4/2019;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, sổ vào sổ CS08326, thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17(2BA.4), diện tích 92,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C ngày 25/4/2019;

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C với bà Hoàng Đình Uyên T3, ông Trương Văn T5, bà Trương Thị H4, bà Nguyễn Thúy P1 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C và những người nhận chuyển nhượng của ông Cầu là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Võ Thị Kim H1, Võ Thị L, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Trần Văn H2, Trương Văn K: Ông C không đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đình Thành T8 trình bày:*

Ngày 12/8/2019, ông Đình Thành T8 có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trương Văn C đối tượng của hợp đồng là thửa đất số 4133 tờ bản đồ số 17 (2BA4), tọa lạc tại khu N, phường B, thị xã D , tỉnh Bình Dương, diện tích 92,4m².

Ông T8 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và xây dựng nhà ở ổn định đến nay. Đối với yêu cầu của những người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ của tôi, thì tôi không đồng ý.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nghiêm Văn T7, bà Bùi Thị N4 trình bày:*

Ngày 12/8/2019, vợ chồng ông T7, bà N4 có ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ với bà Trương Thị H4 tại Văn phòng Công chứng đối tượng của hợp đồng là thửa đất số 4132, tờ bản đồ 17, tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích 92,4m². Ông T7, bà N4 được cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên và xây nhà ở ổn định đến nay. Ngày 24/3/2020, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành CO 009686, số vào sổ GCN: CS09320, thửa đất số 4132. Đối với yêu cầu của những người khởi kiện về việc hủy Giấy CNQSDĐ của ông T7, bà N4, thì ông T7, bà N4 không đồng ý.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T4 trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L, việc ông T4 chuyển nhượng QSDĐ cho bà L đã tuân theo quy định pháp luật. Sau khi chuyển nhượng xong các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ. Hiện ông không còn quyền và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất cấp cho bà L.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2 trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L và bà Võ Thị Kim H1. Việc ông H1 chuyển nhượng QSDĐ cho bà L đã tuân theo quy định pháp luật. Sau khi chuyển nhượng xong các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ. Hiện ông không còn quyền và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất cấp cho bà L. Còn phần diện tích đất ông Võ Hữu N2, bà Đoàn Thị Như L1 chuyển nhượng cho bà H1 từ khi chuyển nhượng ông, bà sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D1 trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn K, bà D1 được bà T tặng cho QSDĐ, sau đó bà D1 chuyển QSDĐ cho ông K đã tuân theo quy định pháp luật. Sau khi chuyển nhượng xong các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ. Hiện bà D1 không còn quyền và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất cấp cho ông K.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh P trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim H (bà H là vợ ông P), việc ông T1 làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ cho vợ chồng ông đã tuân theo quy định pháp luật. Sau khi chuyển nhượng xong các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ và được UBND thị xã D cấp Giấy CNQSDĐ.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn X, vào ngày 01/11/2008 ông được bà Nguyễn Thị Tuyết t cho phần diện tích đất 404,6m², ngày 05/8/2011 ông làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ cho ông Hồ Văn X diện tích đất 304,6m², đến ngày 13/8/2011 ông làm thủ tục tặng cho bà N 100m² đất. Việc chuyển nhượng, tặng cho QSDĐ cho ông X, bà N đã tuân theo quy định pháp luật. Sau khi chuyển nhượng xong các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ. Hiện ông không còn quyền và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất cấp cho bà N và ông X.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh K1 (chồng của bà Trần Thị Kim N) trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N, ngày 13/8/2011 ông Trần Văn D làm thủ tục tặng cho bà N 100m² đất trong tổng diện tích đất 404,6m² của ông D, việc tặng cho QSDĐ cho bà N đã tuân theo quy định pháp luật. Sau khi chuyển nhượng xong các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ ông và bà N sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Á (vợ ông Hồ Văn X trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn X. Phần diện tích đất 304,6m² của ông X có nguồn gốc là do ông Trần Văn D chuyển nhượng QSDĐ, quá trình chuyển nhượng tuân theo quy định của pháp luật. Từ khi nhận chuyển nhượng ông X và bà sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu N2 và bà Đoàn Thị N6 trình bày:*

Vợ chồng ông N2, bà L1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim H1, vào ngày 05/8/2011 ông N2 được bà Bùi Thị D1 chuyển nhượng QSDĐ với diện tích 577,1m² đến ngày 10/5/2012 ông N2 làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ trên cho bà H1, việc chuyển nhượng tuân theo quy định pháp luật. Hiện ông, bà không còn quyền và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất đã chuyển nhượng cho bà H1.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H2, ngày 26/5/2006 bà được UBND huyện D cấp Giấy CN QSDĐ số H5889 tại thửa đất số 1142,1143 tờ bản đồ số 2 diện tích 3.238m². Ngày 01/11/2008 bà làm thủ tục tặng cho ông Trần Văn H2 phần diện tích đất 350m². Sau khi làm thủ tục tặng cho bà và ông H2 đã kê khai, đăng ký theo quy định pháp luật. Nay bà không còn quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến thửa đất đã tặng cho ông H2.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim H1 (vợ ông Trần Văn H2) trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H2, ngày 01/11/2008 ông H2 nhận tặng cho QSDĐ từ bà Nguyễn Thị T với diện tích 350m². Đến nay bà và

ông H2 vẫn quản lý sử dụng nhưng đã thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần P2 để vay tiền.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị A (vợ ông Trương Văn K) trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn K, ngày 02/7/2009 bà Bùi Thị D1 chuyển nhượng QSDĐ cho ông K phần diện tích 350m². Từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay bà và ông K sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết N3 (con của bà Võ Thị L) trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L, phần diện tích đất của bà L do nhận chuyển nhượng QSDĐ từ ông Trần Văn K3, ông Trần Văn H2. Từ khi nhận chuyển nhượng QSDĐ đến nay thì bà và bà L sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T về việc hủy Quyết định số 5183/QĐ –UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ số vào sổ H5889 cấp ngày 26/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Tuyết .1

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Võ Thị L về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01296 cấp ngày 06/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH01320 cấp ngày 14/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5950/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01320 cấp ngày 14/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5951/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01296 cấp ngày 06/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà L toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà L và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường

căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 141.976.260 đồng (một trăm bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

3. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương Văn K về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5205/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH06763 ngày 18/03/2009, đăng ký biến động sang tên ông Trương Văn K ngày 11/7/2009.

- Hủy Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 06763 cấp ngày 18/3/2009, đăng ký biến động sang tên cho ông Trương Văn K ngày 11/7/2009.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông K toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông K và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 9.670.000 đồng (chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trịnh Thị Kim H về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5208/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 02038 cấp ngày 04/7/2012 cho bà Trịnh Thị Kim H.

- Hủy Quyết định số 5952/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 02038 cấp ngày 04/7/2012 cho bà Trịnh Thị Kim H.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà H toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông K và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 52.253.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

5. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trần Thị Kim N về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH00504 cấp ngày 30/09/2010 cho bà Trần Thị Kim N.

- Hủy Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH00504 ngày 30/9/2010 cho bà Trần Thị Kim N.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà N toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà N và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 17.219.300 đồng (mười bảy triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm đồng).

6. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hồ Văn X về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5203/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH 01297 ngày 06/9/2011 cấp cho ông Hồ Văn X.

- Hủy Quyết định số 5947/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH01297 ngày 06/9/2011 cấp cho ông Hồ Văn X.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông X toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông X và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 17.219.300 đồng (mười bảy triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm đồng).

7. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Võ Thị Kim H1 về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5204/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có số vào sổ CH01992 ngày 08/06/2012 cấp cho bà Võ Thị Kim H1.

- Hủy Quyết định số 5948/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có số vào sổ CH01992 ngày 08/06/2012 cấp cho bà Võ Thị Kim H1.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà H1 toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà H1 và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 72.787.950 đồng (bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng).

8. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn H2 về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ H06776 ngày 07/4/2009 cấp cho ông Trần Văn H2.

- Hủy Quyết định số 5946/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ H06776 ngày 07/4/2009 cấp cho ông Trần Văn H2.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông Trần Văn H2 toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông H2 và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 9.125.750 đồng (chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

9. Bác yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm các ông, bà Võ Thị L, Trương Văn K, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Võ Thị Kim H1, Trần Văn H2 về việc yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782.9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cập nhật ngày 29/11/2019 thay đổi quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho

ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/7/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận đơn kháng cáo của ông Võ Hoàng T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, xem xét hủy toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến ông Võ Hoàng T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

1. Những người khởi kiện không tham gia tố tụng và không có nghĩa vụ nào liên quan đối với Bản án số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, những người khởi kiện không phải là người phải thi hành án.

2. UBND thành phố D không có chức năng thi hành Bản án dân sự của Tòa án, căn cứ theo nhiệm vụ quyền hạn của UBND huyện trong việc thi hành pháp luật và thi hành án dân sự được quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và Điều 174 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 nên cho rằng để thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 là không có cơ sở, không đúng chức năng nhiệm vụ, trái quy định của pháp luật.

3. UBND thành phố D đã căn cứ vào những văn bản không còn hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014 gồm: Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 183/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 để ban hành các quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện là hoàn toàn trái pháp luật, theo Điều 211 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 102 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nên các quyết định thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận đều trái pháp luật. Bởi vì: căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật, UBND thị xã D không được thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện là không có căn cứ bởi không được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

4. UBND thành phố D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2 đối với các thửa đất mà những người khởi kiện đang có quyền sử dụng hợp pháp bất chấp các khiếu nại là vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trong khi người khởi kiện đang khiếu nại tại Văn phòng đăng ký đất đai và khởi kiện tại Tòa án đã có Thông báo thụ lý nên UBND thành phố D phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do đã ban hành các quyết định trái pháp luật theo khoản 2 Điều 206 Luật Đất đai năm 2013.

5. UBND thành phố D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Phạm T2 không có căn cứ và trái pháp luật nên tất cả các quyết định cấp Giấy sau này của UBND thành phố D và Sở T đều trái pháp luật.

6. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 23/2019/HC-GĐT ngày 11/10/2019 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng nghị của VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST của TAND thị xã Dĩ An và Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2018/HC-PT của TAND tỉnh Bình Dương đây là căn cứ pháp lý cực kỳ quan trọng của vụ án này. Khi tiến hành xét xử sơ thẩm lại vào ngày 20/7/2023, mặt dù không có bất kỳ chứng cứ nào mới nhưng TAND tỉnh Bình Dương vẫn tiến hành xét xử và tuyên án trái với tinh thần chỉ đạo của Quyết định Giám đốc thẩm số 23/2019/HC-GĐT, tiếp tục bác yêu cầu khởi kiện với những lý do hoàn toàn không có căn cứ pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Phạm T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Lý do kháng cáo của ông Võ Hoàng T1 và 7 người khởi kiện cho rằng việc ban hành các quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận áp dụng văn bản hết hiệu lực, phải áp dụng Luật Đất đai năm 2013 và theo Quyết định Giám đốc thẩm số 23/2019 thì UBND thị xã D không có thẩm quyền thu hồi Giấy là không có căn cứ. Năm 2006, UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T không đúng pháp luật, án hành chính năm 2004 của TAND tỉnh Bình Dương không giao quyền cho bà T, sau khi bà T được cấp giấy, bà T đã chuyển nhượng, tặng cho nhiều người trái pháp luật. Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2013/DSPT đã giải quyết rõ về quyền sử dụng đất, bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao có nhiều văn bản trả lời không kháng nghị giám đốc thẩm nên án phải được thi hành, Ủy ban nhân dân thành phố D đã ban hành các quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận của bà T là có căn cứ, việc cấp Giấy chứng nhận cho ông T2 và những người liên quan không sai phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho những người có liên quan gồm: Trương Văn C, Trương Thị H4, Trương Văn T5 trình bày: Do những người khởi kiện kháng cáo nhưng cũng không có chứng cứ gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất diện tích 3.238,1m² thửa đất 1142, 1143 tờ bản đồ số 02 tại khu phố N, phường B, thị xã D của cụ Ngô Văn D2 để lại thừa kế cho bà Ngô Bích H6. Bà Nguyễn Thị T có được do ở nhờ trông coi cho bà H6, trong quá trình tranh chấp chưa được giải quyết xong nhưng bà T tự ý kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng năm 1997, bà H6 biết được đã khiếu nại, khởi kiện về việc cấp giấy pháp luật, năm 2004 khi Tòa án giải quyết vụ án hành chính không giao quyền sử dụng cho bà T, Tòa án có công văn giải thích Bản án nêu rõ chỉ tạm giao bà T quản lý chờ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng năm 2006 bà T tiếp tục kê khai để được cấp quyền sử dụng đất là trái pháp luật. Tại Bản án dân sự phúc thẩm 164/2013/DS-PT đã buộc bà T, ông T4, ông D phải giao trả 2.790m² cho bà H6, Tòa án nhân dân tối cao đã có 2 văn bản trả lời khiếu nại, kiến nghị giám đốc thẩm không có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm. Để thực hiện Bản án có hiệu lực, UBND thị xã D đã ban hành các quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật là có căn cứ, bà T và UBND thị xã D có lỗi trong việc cấp giấy chứng nhận số H5889 ngày 26/5/2006, bà T tiếp tục làm thủ tục tặng cho các thửa cho nhiều người trái quy trình nên không thể áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 để chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2, yêu cầu độc lập của ông Võ Hoàng T1 là có căn cứ, phù hợp luật định đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Võ Hoàng T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, 8 đương sự có kháng cáo và các đương sự khác có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/11/2015, ngày 23/12/2015 bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5183/QĐ – UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ số vào sổ H5889 cấp ngày 26/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Tuyết .1 Và các ngày 24/11/2015, ngày 23/12/2015 và ngày 14/5/2020 bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2, ông Võ Hoàng T1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân thị xã (thành phố) D, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B và yêu cầu bồi thường thiệt hại (như phần khởi kiện trình bày). Căn cứ Điều 116, Điều 118 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Võ Hoàng T1, bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2, nhận thấy:

[2.2.1] Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 14/HCPT ngày 01/9/2004 của TAND tỉnh Bình Dương nhận định diện tích đất tranh chấp gắn liền nhà có nguồn gốc của cụ Ngô Văn D2 đăng ký theo Chỉ thị 299 năm 1983, nhưng bà T và các con đang quản lý sử dụng, vì vậy đã bác đơn khởi kiện của bà T, giữ nguyên Quyết định 2477/QĐ-CT ngày 13/10/2003 của Chủ tịch UBND huyện D về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số 1682/QSDĐ cấp cho bà T ngày 13/12/1997. Bà T đồng ý với Bản án hành chính phúc thẩm số 14/HCPT ngày 01/9/2004 và không tiếp tục khiếu nại. Tại Công văn số 02/HC-TLĐ ngày 15/12/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải thích Bản án số 14/HCPT giải thích “*không giao phần đất tranh chấp cho bà T mà tạm thời để bà T tiếp tục quản lý, sử dụng di sản của cụ D2 như hiện trạng, tránh tình trạng làm hư hỏng, hủy hoại, tẩu tán tài sản trước khi các đồng thừa kế có yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, Bản án số 14/HCPT ngày 01/9/2004 của TAND tỉnh Bình Dương không công nhận và cũng không yêu cầu UBND huyện D cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà T. Tuy nhiên, bà T vẫn xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đất và được UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5889 cho bà Nguyễn Thị T ngày 26/5/2006, diện tích 3.238,1m², thửa đất 1142, 1143 tờ bản đồ số 02 và năm 2009, bà T đã chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất cho những người khởi kiện ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi các đồng thừa kế của cụ Ngô Văn D2 có yêu cầu phân chia di sản.

[2.2.2] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: “*Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Trần Văn D và anh Trần Văn T4 phải giao trả cho bà Ngô Bích H6 khu đất có diện tích 2.790m² và căn nhà số A, khu phố N, phường B, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H6 về việc cho lại bà T, ông T4, ông D một phần đất có diện tích 316 m² vì có công trông coi bảo quản tài sản trên*”.

[2.2.3] Bản án số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật, ông Ngô Phạm T2 nộp đơn yêu cầu thi hành án tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Ngày 20/8/2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 483/QĐ-CTHA thi hành án theo đơn yêu cầu của ông T2. Qua xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T12; Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương phát hiện phần đất có diện tích 3.106,8 m² (diện tích đo đạc thực tế) mà Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giao cho ông Ngô Phạm T2 đã được UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T vào tháng 5/2006 và bà T đã tách thửa, tặng cho nhiều người khác. Ngày 13/10/2015, UBND thị xã D ban hành các Quyết định thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Quyết định số 5183/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 5889 đã cấp cho bà Nguyễn Thị T; Quyết định số 5201/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 01296 của bà Võ Thị L cấp ngày 06/9/2011; Quyết định số 5206/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 01320 của bà Võ Thị L cấp ngày 14/9/2011; Quyết định số 5202/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 00504 của bà Trần Thị Kim N cấp ngày 30/9/2010; Quyết định số 5203/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 01297 của ông Hồ Văn X cấp ngày 06/9/2011; Quyết định số 5204/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 01992 của bà Võ Thị Kim H1 cấp ngày 08/6/2012; Quyết định số 5205/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 06763 của ông Trương Văn K cấp ngày 18/3/2009; Quyết định số 5207/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận số H 06776 của ông Trần Văn H2 cấp ngày 07/4/2009; Quyết định số 5208/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận số CH 02038 của bà Trần Thị Kim H7 cấp ngày 04/7/2012. Đồng thời, do các đương sự không giao nộp Giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên nên ngày 01/12/2015, UBND thị xã D ban hành các quyết định sau: Quyết định số 5950/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ CH 01320 cấp ngày 14/09/2011 cho bà Võ Thị L; Quyết định số 5951/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ CH 01296 cấp ngày 06/09/2011 cho bà Võ Thị L; Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ CH 06763 cấp ngày 18/03/2009 đăng ký biến động sang tên cho ông Trương Văn K ngày 11/07/2009; Quyết định số 5952/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ CH 02038 cấp ngày 04/07/2012 cho bà Trần Thị Kim H; Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ CH 00504 cấp ngày 30/09/2010 cho bà Trần Thị Kim N; Quyết định số

5947/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ CH 01297 cấp ngày 06/9/2011 cho ông Hồ Văn X; Quyết định số 5948/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ CH01992 cấp ngày 08/6/2012 cho bà Võ Thị Kim H1; Quyết định số 5946/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ H06776 cấp ngày 07/4/2009 cho ông Trần Văn H2.

[2.3] Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Tuyết s1 H5889 ngày 26/5/2006, diện tích 3.238,1m², thửa đất 1142, 1143 tờ bản đồ số 02 trong quá trình tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm là không đúng đối tượng, không đúng nguồn gốc sử dụng đất nên UBND thị xã D căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5183/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 5889 đã cấp cho bà Nguyễn Thị T năm 2006 là có căn cứ bởi hành vi cấp Giấy chứng nhận cho bà T và việc khiếu nại của ông T2, quyết định thi hành án đều được thực hiện trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, căn cứ theo khoản 1 Điều 83 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “ *Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực*”. Do đó, ông T1, bà L, bà N, ông X, bà H2, ông H2, bà H, ông K cho rằng các quyết định bị kiện áp dụng văn bản hết hiệu lực và căn cứ theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 UBND thị xã D không được thu hồi là không có cơ sở, không đúng căn cứ pháp luật đã nêu. Đối với các giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T cho bà D1, ông T4, ông H2, ông D, ông T1 và việc chuyển nhượng tiếp theo,... từ Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật nên để thực hiện Bản án dân sự có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân thị xã D (nay là thành phố D) áp dụng các văn bản pháp luật để ban hành các quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp có liên quan là đúng thẩm quyền, phù hợp luật định.

[2.4] Những người khởi kiện Võ Thị L, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Võ Thị Kim H1, Trương Văn K, Trần Văn H2, Trần Thị Kim H7 cho rằng không tham gia tố tụng và không có nghĩa vụ nào liên quan đối với Bản án số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, những người khởi kiện không phải là người phải thi hành án. UBND thị xã D đã ban hành các quyết định thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện nhằm để thực hiện Bản án số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 là trái pháp luật, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì UBND thị xã D không được thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người khởi kiện là không có căn cứ bởi vì bà T và những người khởi kiện

không được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2013/DS-PT ngày 20/5/2013 đã tuyên buộc bà T, ông D và ông T4 phải giao trả cho bà Ngô Bích H6 diện tích đất 2.790 m², ông T1 đã thực hiện quyền khiếu nại đề nghị Tòa án xét lại theo thủ tục Giám đốc thẩm thì được TAND tối cao Thông báo số 760/TB ngày 07/5/2014 xác định không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm Bản án số 164/2013/DS-PT và TAND tỉnh Bình Dương có Công văn 295/TA-GĐKT ngày 26/4/2016 kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và đã được trả lời theo Công văn số 94/CV-G ĐKTII ngày 10/4/2017 của TAND tối cao là không có cơ sở để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 164/2013/DSPT ngày 20/5/2013. Như vậy, để thực hiện Bản án số 164/2013/DS-PT việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2 thì UBND thị xã D phải thực hiện các thủ tục thu hồi, hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật có liên quan đến phần đất này là có cơ sở.

[2.5] Đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã D cấp cho ông Ngô Phạm Thiện s vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015, sổ vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018, sổ vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) trên cơ sở quyền sử dụng đất được công nhận theo Bản án dân sự phúc thẩm 164/2013 có hiệu lực pháp luật và sau khi được cấp Giấy nhận QSDĐ, ông Ngô Phạm T2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Đình Uyên T3 (được chỉnh lý biến động tại trang 4), bà T3 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trương Văn C (Hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/10/2019) và ông C tách thửa đất cho các ông, bà Trương Văn T5, Trương Thị H4, Đinh Thành T8, Bùi Thị N4, Nguyễn Thúy P1 các Giấy chứng nhận đã cấp đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên việc bà Nguyễn Thị T và những người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận và yêu cầu bồi thường thiệt hại là không phù hợp pháp luật, không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Đối với các quyền lợi, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với bà Bùi Thị D1, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn H2, ông Trần Văn D, ông Võ Hoàng T1 và việc bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2, ... nếu phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác theo luật định.

[3] Từ các phân tích trên, bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, ông Hồ Văn X là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo luật định. Ông Võ Hoàng T1, bà

Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 mỗi người phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241; khoản 2 Điều 225; Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, ông Hồ Văn X, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2, ông Võ Hoàng T1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, cụ thể tuyên:

Áp dụng: Điều 30, 32, 116, 134, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T về việc hủy Quyết định số 5183/QĐ –UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ số vào sổ H5889 cấp ngày 26/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Tuyết .1

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Võ Thị L về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01296 cấp ngày 06/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH01320 cấp ngày 14/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5950/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01320 cấp ngày 14/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Hủy Quyết định số 5951/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01296 cấp ngày 06/9/2011 cho bà Võ Thị L.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà L toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà L và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 141.976.260 đồng (một trăm bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

3. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương Văn K về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5205/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH06763 ngày 18/03/2009, đăng ký biến động sang tên ông Trương Văn K ngày 11/7/2009.

- Hủy Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 06763 cấp ngày 18/3/2009, đăng ký biến động sang tên cho ông Trương Văn K ngày 11/7/2009.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông K toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông K và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 9.670.000 đồng (chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trịnh Thị Kim H về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5208/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 02038 cấp ngày 04/7/2012 cho bà Trịnh Thị Kim H.

- Hủy Quyết định số 5952/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 02038 cấp ngày 04/7/2012 cho bà Trịnh Thị Kim H.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà H toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông K và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 52.253.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

5. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trần Thị Kim N về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH00504 cấp ngày 30/09/2010 cho bà Trần Thị Kim N.

- Hủy Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH00504 ngày 30/9/2010 cho bà Trần Thị Kim N.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà N toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà N và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 17.219.300 đồng (mười bảy triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm đồng).

6. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hồ Văn X về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5203/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH 01297 ngày 06/9/2011 cấp cho ông Hồ Văn X.

- Hủy Quyết định số 5947/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH01297 ngày 06/9/2011 cấp cho ông Hồ Văn X.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông X toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông X và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 17.219.300 đồng (mười bảy triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm đồng).

7. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Võ Thị Kim H1 về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5204/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có số vào sổ CH01992 ngày 08/06/2012 cấp cho bà Võ Thị Kim H1.

- Hủy Quyết định số 5948/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có số vào sổ CH01992 ngày 08/06/2012 cấp cho bà Võ Thị Kim H1.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho bà H1 toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của bà H1 và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 72.787.950 đồng (bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng).

8. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn H2 về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ H06776 ngày 07/4/2009 cấp cho ông Trần Văn H2.

- Hủy Quyết định số 5946/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương về việc hủy Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ H06776 ngày 07/4/2009 cấp cho ông Trần Văn H2.

- Buộc UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An bồi thường cho ông Trần Văn H2 toàn bộ thiệt hại về tài sản trên đất đã bị mất mát sau khi UBND thành phố D thu hồi Giấy chứng nhận của ông H2 và cấp lại cho người khác trái pháp luật với giá trị bồi thường căn cứ theo Biên bản định giá tài sản đã được Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An lập ngày 26/5/2016 số tiền 9.125.750 đồng (chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

9. Bác yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm các ông, bà Võ Thị L, Trương Văn K, Trịnh Thị Kim H, Trần Thị Kim N, Hồ Văn X, Võ Thị Kim H1, Trần Văn H2 về việc yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CB908977, số vào sổ CH04351 ngày 23/12/2015 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992097, số vào sổ CH07773, ngày 18/10/2018 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông Ngô Phạm T2 đối với thửa đất số 4120, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,5m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL992098, số vào sổ CH07774 ngày 18/10/2018 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông Ngô Phạm đối v thửa đất số 4119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3,6m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR837470, số vào sổ CH08978, ngày 26/11/2019 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T4, ông Trần Văn D (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 4122, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,3m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO116260, số vào sổ CS07815, ngày 31/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp

cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4078, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.782,9m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122038, số vào sổ CS08131, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4123, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122039, số vào sổ CS08132, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO122040, số vào sổ CS08133, ngày 27/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4124, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 277,2m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL524171, số vào sổ CS08254, ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã D cập nhật ngày 29/11/2019 thay đổi quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thúy P1 đối với thửa đất số 4127, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 1.958,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488124, số vào sổ CS08335 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4131, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488122, số vào sổ CS08336 ngày 03/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4132, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO008696, số vào sổ CS09320 ngày 24/3/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Bùi Thị N4 đối với thửa đất 4132, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR391086, số vào sổ CS08794 ngày 09/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO009640, số vào sổ CS00236 ngày 27/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thành T8 đối với thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 17, diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488594, số vào sổ CS08324 ngày 25/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4134, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL488595, số vào sổ CS08326 ngày 25/04/ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn C đối với thửa đất số 4135, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177708, số vào sổ CS08379 ngày 17/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Văn T5 đối với thửa đất số 4128, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CO177709, số vào sổ CS08380, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trương Thị H4 đối với thửa đất số 4129, tờ bản đồ số 17 (2BA.4), diện tích 92,4m².

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Bà Võ Thị L, ông Trương Văn K, ông Hồ Văn X là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo luật định. Số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000đồng theo các Biên lai thu số 0012031, 0012032, 0012035 cùng ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (do bà Phạm Thị Minh C2 nộp thay nộp thay) được hoàn trả lại cho bà L, ông K, ông X.

- Ông Võ Hoàng T1, bà Trịnh Thị Kim H, bà Trần Thị Kim N, bà Võ Thị Kim H1, ông Trần Văn H2 mỗi người phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000đồng đã nộp theo các Biên lai thu số 0012038, 0012033, 0012034, 0012036, 0012037 cùng ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (do bà Phạm Thị Minh C2 nộp thay nộp thay).

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (60b-TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh

